



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỦNG QUỐC HOA KỲ  
Phòng Thông tin - Văn hóa  
Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh  
Hà Nội, Việt Nam  
(84-4) 831-4580 -- Fax: (84-4) 831-4601

WASHINGTON FILE  
6/29/2001

## ĐIỀU TRẦN CỦA TRƯỞNG BAN TƯ VẤN ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI HOA KỲ VỀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM

Bài phát biểu của Peter B. Davidson  
Trưởng ban Tư vấn (Đại diện Thương mại Hoa Kỳ)  
Tại Ủy ban Tài chính  
Ngày 26 tháng 6 năm 2001

### Hiệp định Thương mại Song phương Mỹ - Việt

#### GIỚI THIỆU

Thưa Thượng nghị sĩ Kerry, Ngài Chủ tịch Baucus và các Thành viên trong Ủy ban, tôi xin cảm ơn các ngài đã mời tôi đến đây ngày hôm nay để điều trần nhằm ủng hộ cho Hiệp định Thương mại Song phương Việt-Mỹ (HDTM). Việc phê chuẩn và thực hiện Hiệp định này là những bước đi vô cùng quan trọng trong quá trình dành quy chế quan hệ thương mại bình thường (NTR) cho hàng hóa Việt Nam, thúc đẩy các mục tiêu kinh tế chiến lược của Hoa Kỳ với Việt Nam và Đông Nam Á và mở cửa một thị trường đang phát triển cho xuất khẩu và đầu tư của Hoa Kỳ.

Ngày 8 tháng 6 khi chính thức đệ trình HDTM với Việt Nam lên Quốc hội, Tổng thống Bush đã nhấn mạnh đây là "một phần quan trọng" trong chương trình nghị sự thương mại của chính quyền. Tổng thống nhấn mạnh rằng chương trình nghị sự về tự do hóa thương mại và mở cửa thị trường của Chính quyền là nền tảng cho các nỗ lực của chúng ta nhằm thúc đẩy sự thịnh vượng và các cơ hội trên thế giới và cụ thể hơn, Tổng thống đã coi thương mại là công cụ mạnh mẽ giúp nâng cao và cải cách các nền kinh tế và mở mang toàn bộ xã hội.

Tất nhiên, vấn đề trọng tâm cuối cùng trong chính sách thương mại của Chính quyền phải đạt được là thành lập Ủy ban Đặc quyền Xúc tiến Thương mại đã được Đại sứ Zoellick điều trần trước Ủy ban Tài chính vào ngày 21 tháng 6. Bản hiệp định Thương mại với Việt Nam, là đỉnh cao trong nỗ lực bình thường hóa quan hệ kinh tế chính trị kéo dài trong một thập kỷ, sẽ thúc đẩy hơn nữa các mục tiêu của Hoa Kỳ ở một nước đang phát triển nằm ở vị trí chiến lược trên thế giới. Bản thân Hiệp định là kết quả của gần 5 năm đàm phán với Chính phủ Việt Nam.

Mục đích của hiệp định thương mại này là tạo cơ sở cho bình thường hóa quan hệ thương mại với Việt Nam, đặt

Việt Nam vào vị thế ngang hàng với hầu hết các nước trên thế giới. Hiện nay, Việt Nam là một trong 6 nước duy nhất chưa được hưởng đối xử thuế quan theo NTR của Hoa Kỳ. Ngoài Sécbi và Lào, Việt Nam là nước duy nhất trong nhóm 6 nước mà chúng ta đã có quan hệ ngoại giao đầy đủ. Trong 25 năm qua, nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam hoặc bị cấm hoặc vấp phải mức thuế suất từ 40% trở lên kể từ khi dỡ bỏ lệnh cấm vận vào năm 1994. Hiện tại, thuế suất theo NTR trung bình ở mức 3%, đã đặt hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam vào vị thế vô cùng bất lợi.

Đồng thời, Hiệp định này sẽ mở cửa thị trường Việt Nam cho xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ Hoa Kỳ. Hiệp định đòi hỏi Việt Nam phải bảo hộ toàn diện quyền sở hữu trí tuệ và bảo hộ cơ bản cho đầu tư của Hoa Kỳ ở nước này. Tóm lại, đây là một hiệp định cân đối mang lại lợi ích cho cả hai bên.

Hôm nay, tôi muốn giải thích tại sao Hiệp định này không chỉ là đỉnh cao trong tiến trình lịch sử bình thường hóa quan hệ kéo dài trong một thập kỷ qua, mà còn thúc đẩy các lợi ích kinh tế chiến lược của Hoa Kỳ ở Việt Nam và tại Đông Nam Á.

## TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI HOA KỲ

Trước hết, cho tôi được trình bày đôi nét về tầm quan trọng của Việt Nam đối với Hợp chúng quốc Hoa Kỳ và với các lợi ích của Hoa Kỳ. Việt Nam là một nước với 80 triệu dân - lớn thứ hai ở Đông Nam Á với khoảng một nửa dân số có độ tuổi dưới 25. Ngay cả khi có những hạn chế thương mại của cả hai phía mà hiện nay chúng vẫn được áp dụng, thương mại hai chiều hàng năm đã tăng lên đạt trên 1 tỷ đô la Mỹ kể từ khi cấm vận thương mại được dỡ bỏ vào năm 1994. Mặc dù thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam còn thấp, khoảng 1 đô la/ngày, song mức thu nhập đó đang tăng lên và tầm quan trọng của Việt Nam với tư cách là một thị trường cũng sẽ tăng lên khi thế hệ trẻ đến tuổi trưởng thành. Tóm lại, tuy là một thị trường nhỏ, song Việt Nam có tiềm năng lớn để trở thành một đối tác thương mại luôn luôn phát triển trong những năm tới, tạo ra nhiều cơ hội và việc làm mới cho các nhà xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ Hoa Kỳ.

Khái quát hơn, quá trình hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới và khu vực có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với hòa bình và ổn định tại Đông Nam Á. Một nước Việt Nam nghèo, cô lập và có tính phòng thủ không chỉ làm tổn hại đến người dân Việt Nam mà còn gây thiệt hại cho các lợi ích an ninh của Hoa Kỳ tại vị trí chiến lược này của thế giới.

## ĐỔI MỚI KINH TẾ Ở VIỆT NAM VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN QUAN HỆ VIỆT-MỸ

Xu hướng trong hơn 15 năm qua của Việt Nam là theo đuổi chính sách mở cửa kinh tế mạnh mẽ hơn, cả bên trong lẫn với thế giới bên ngoài. Chính sách này tiến hành song song cùng với quá trình bình thường hóa quan hệ kinh tế chính trị song phương của chúng ta. Tôi xin điểm qua những bước phát triển quan trọng.

Trong nhiều năm sau khi kết thúc chiến tranh vào năm 1975, Việt Nam tiếp tục đi theo mô hình kế hoạch hóa tập trung của Liên Xô. Vào giữa những năm 80, các nhà lãnh đạo Việt Nam đã thấy rõ các chính sách này đã đẩy đất nước đến bờ vực thảm họa kinh tế. Do đó, vào năm 1986 Việt Nam đã tiến hành công cuộc "đổi mới" hoặc cơ cấu lại nền kinh tế, theo đó sẽ tiến hành giải thể hợp tác xã, xóa bỏ kế hoạch hóa tập trung, chuyển sang chấp nhận cơ chế giá cả và cơ chế thị trường, bắt đầu mở cửa nền kinh tế ra thế giới bên ngoài.

Những bước phát triển này cùng với các bước phát triển khác trong lĩnh vực chính trị đã đưa Hoa Kỳ và Việt Nam xích lại gần nhau. Năm 1998, dưới thời Tổng thống Reagan, Việt Nam đã bắt đầu hợp tác với Hoa Kỳ nhằm tìm kiếm

tung tích số phận quân nhân Mỹ thiệt mạng hoặc mất tích trong những năm chiến tranh. Dưới thời Chính quyền Bush năm 1991, con đường tiến tới bình thường hóa quan hệ hoàn toàn đã được vạch ra một cách toàn diện khi Hoa Kỳ đề xuất với Việt Nam "lộ trình" bình thường hóa quan hệ chia thành nhiều giai đoạn. Ưu tiên hàng đầu trước mắt của lộ trình này là nhằm nhận được sự hợp tác của Việt Nam trong hoạt động tìm kiếm tù binh và quân nhân mất tích trong thời kỳ chiến tranh ở Việt Nam. Sự hợp tác liên tục của Việt Nam trong hoạt động tìm kiếm này là nền tảng chủ yếu cho quá trình bình thường hóa kinh tế chính trị diễn ra trong thập kỷ qua.

Năm 1992, Chính quyền Bush đã nới lỏng lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam, cho phép buôn bán thương mại sang Việt Nam có gắn với các nhu cầu nhân đạo cơ bản, dỡ bỏ các cản trở đối với các dự án của tổ chức phi chính phủ và tổ chức phi lợi nhuận của Hoa Kỳ ở Việt Nam và cho phép liên lạc viễn thông với Việt Nam. Năm 1994, sau một nghị quyết của Thượng viện, lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam đã được dỡ bỏ hoàn toàn.

Năm 1995, Hoa Kỳ chính thức nối lại quan hệ ngoại giao với Việt Nam và mở đại sứ quán tại Việt Nam. Đồng thời, Tổng thống Clinton chỉ đạo rằng quá trình bình thường hóa quan hệ kinh tế sẽ bắt đầu được thực hiện tuân thủ theo các quy định về pháp luật có liên quan của Hoa Kỳ, tức là theo điều khoản Jackson-Vanik của luật thương mại Hoa Kỳ. Do đó, vào đầu năm 1996, chúng ta bắt đầu tiến hành đàm phán hiệp định thương mại song phương, điều có ý nghĩa thiết yếu để cho hưởng quy chế NTR. Cùng lúc đó, trong mối quan hệ của chúng ta với Việt Nam đã luôn xuất hiện những lo ngại về vấn đề nhân quyền, bao gồm tôn trọng tự do tín ngưỡng và quyền lao động. Chúng ta tiếp tục đổi thoại với Việt Nam về những vấn đề này và đã đạt được một số tiến bộ trong thập kỷ qua, song rõ ràng, vẫn còn nhiều điều cần phải làm.

Đi cùng với những tiến bộ đạt được trong quan hệ song phương của chúng ta là các bước đi của Việt Nam trong những năm gần đây hướng tới mối quan hệ chặt chẽ hơn với thế giới bên ngoài và hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Năm 1995, Việt Nam gia nhập Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và ký kết tham gia Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN. Những hành động này cho thấy những bước đi quan trọng của Việt Nam nhằm tạo lập quan hệ kinh tế và chính trị với các nước láng giềng và cam kết thực hiện quá trình mở cửa thị trường và đổi mới kinh tế. Trong năm đó, Việt Nam đã đệ đơn xin gia nhập WTO, một dấu hiệu khác cho thấy cam kết hội nhập vào thị trường thế giới của Việt Nam.

Các bước đi của Việt Nam để chấp nhận đổi mới kinh tế và mở rộng mối quan hệ với các nền kinh tế khu vực và thế giới nói chung đã cải thiện tình hình kinh tế trong thập kỷ qua. Từ năm 1991 đến 1998, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng với tốc độ hàng năm 8%. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng đã giảm sút, đạt 4,8% năm 1999 và 5,5% vào năm ngoái. Tốc độ tăng trưởng giảm sút không chỉ phản ánh sự suy thoái trong khu vực do cuộc khủng hoảng tài chính gây ra, mà còn cho thấy sự chậm trễ trong việc tiến hành các nỗ lực cải cách của Việt Nam.

## TẦM QUAN TRỌNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG

Suy giảm kinh tế gần đây của Việt Nam cho thấy rõ tầm quan trọng của quyết định ký kết Hiệp định Thương mại Song phương (HDTMSP) Việt-Mỹ. Các biện pháp Việt Nam sẽ áp dụng để thực hiện HDTMSP là những bước đi quan trọng nhất Việt Nam từng tiến hành nhằm thúc đẩy đổi mới kinh tế kể từ khi Việt Nam bắt đầu chương trình "cơ cấu lại" nền kinh tế vào cuối những năm 80. Hiệp định này có ý nghĩa vô cùng quan trọng với Hoa Kỳ do nhiều lý do:

Thứ nhất, do hiệp định này là sự cam kết của Việt Nam đối với các nỗ lực cải cách vô cùng cần thiết và tạo điều kiện

tiếp cận thị trường Hòa Kỳ, nên Hiệp định sẽ thúc đẩy sự thịnh vượng của Việt Nam và đẩy mạnh quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới của Việt Nam. Hiệp định này cũng tạo nền tảng cho các cải cách kinh tế khác Việt Nam cần thực hiện để gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới.

Thứ hai, Hiệp định sẽ giúp chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam thành một nền kinh tế thông thoáng và minh bạch hơn, mở rộng các cơ hội và tự do kinh doanh cho người Việt Nam và thúc đẩy một xã hội thông thoáng hơn. Hiệp định góp phần mang lại những kết quả này dưới nhiều hình thức cụ thể. Ví dụ:

- Hiệp định này mở rộng quyền hoạt động thương mại (xuất khẩu và nhập khẩu) từ số lượng hạn chế các doanh nghiệp nhà nước sang tất cả cá nhân Việt Nam và dần dần sang hầu hết các công ty Hoa Kỳ tại Việt Nam.
- Các yêu cầu về tính minh bạch và quyền khiếu nại các quyết định hành chính sẽ khuyến khích và nâng cao việc áp dụng pháp quyền trong cơ chế thương mại và đầu tư của Việt Nam.

Cuối cùng, dĩ nhiên, Hiệp định này sẽ tạo ra nhiều cơ hội thương mại mới to lớn cho các công ty Hoa Kỳ và người Mỹ tiến hành xuất khẩu và kinh doanh ở Việt Nam. Bằng cách xóa bỏ các hàng rào phi thuế quan và hàng rào thuế quan đối với nhập khẩu hàng hóa công nghiệp, mở cửa thị trường trong những lĩnh vực chủ chốt như viễn thông, bảo hiểm, ngân hàng và phân phối, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và xóa bỏ các chính sách bóp méo đầu tư, Hiệp định sẽ cho phép nông dân, nhà chế tạo và sản xuất phần mềm, phim ảnh và âm nhạc và các nhà cung cấp dịch vụ Hoa Kỳ lần đầu tiên tiếp cận được với thị trường non trẻ luôn phát triển này ở nhiều lĩnh vực. Xem xét kỹ hơn các quy định của Hiệp định này có thể thấy rõ các lợi ích thương mại trong nhiều lĩnh vực này.

### **CÁC CAM KẾT CỦA VIỆT NAM THEO HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG**

Hiệp định này được chia thành 6 chương: (1) tiếp cận thị trường hàng hóa công nghiệp và nông sản; (2) sở hữu trí tuệ; (3) thương mại dịch vụ; (4) đầu tư; (5) thuận lợi hóa kinh doanh; và (6) tính minh bạch. Trong mỗi phần đều có đưa ra các cam kết và thời gian thực hiện một cách cụ thể rõ ràng và sẽ có hiệu lực sau khi hiệp định được thực hiện.

.... [Chi tiết về Hiệp định Thương mại Song phương có thể xem tại:  
<http://usembassy.state.gov/vietnam/wwwhta.html>]

### **THỦ TỤC CHO HƯỚNG ĐỐI XỬ THEO QUY CHẾ NTR**

Hiệp định Thương mại với Việt Nam đã được đàm phán theo điều IV Luật Thương mại 1974, được gọi là tu chính án Jackson-Vanik trong luật thương mại của chúng ta. Hiệp định này đáp ứng được hoặc còn vượt so với từng yêu cầu trong đạo luật này liên quan đến các quy định có thật. Ngay sau khi Quốc hội phê chuẩn Hiệp định này, tuyên bố của Tổng thống cho hướng đối xử thuế quan theo quy chế NTR đối với hàng hóa từ Việt Nam sẽ có hiệu lực. Việc Việt Nam tiếp tục được hưởng đối xử thuế quan theo quy chế NTR đòi hỏi phải có sự gia hạn hàng năm miễn áp dụng với Việt Nam các yêu cầu về tự do di cư của tu chính án Jackson-Vanik, hoặc Tổng thống nhận thấy Việt Nam tuân thủ các quy định này. Như các bạn thấy, Quốc hội có thể không tán thành với việc gia hạn miễn áp dụng tu chính án hoặc với không tán thành với nhận định của Tổng thống về việc tuân thủ các quy định này.

Trên cơ sở những tiến bộ liên tiếp mà Việt Nam đã đạt được trong vấn đề di cư, ngày 1 tháng 6, Tổng thống đã đề nghị gia hạn miễn áp dụng tu chính án Jackson-Vanik. Việc gia hạn miễn áp dụng tu chính án Jackson-Vanik sẽ cho phép Việt Nam tiếp tục được hưởng các lợi ích theo các chương trình của OPIC, Ngân hàng Xuất nhập khẩu và Tổ

chức Thương mại & Phát triển, nhưng chưa dành các lợi ích của quy chế NTR cho Việt Nam cho đến khi hiệp định thương mại được Quốc hội thông qua.

## THỦ TỤC PHÊ CHUẨN VÀ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM

Việt Nam cũng đang chuẩn bị phê chuẩn và thực hiện Hiệp định này. Ngày 7 tháng 6, Bộ trưởng Thương mại Việt Nam Vũ Khoan đã gặp Đại diện Thương mại Hoa Kỳ Zoellick tại hội nghị Bộ trưởng Thương mại APEC tại Thượng Hải. Bộ trưởng Khoan đã khẳng định với Đại sứ Zoellick là Việt Nam đang tiến hành thủ tục phê chuẩn chính thức Hiệp định, thủ tục này sẽ nhanh chóng được tiến hành theo luật pháp Việt Nam. Bộ trưởng khẳng định với Đại sứ Zoellick là Việt Nam đang chuẩn bị trên quy mô lớn việc thực hiện Hiệp định, đang tiến hành sửa đổi các điều luật và các quy định cần thiết. Đại sứ Zoellick nhấn mạnh Hoa Kỳ, trong khuôn khổ chương trình của Cơ quan Hợp tác & Phát triển Hoa Kỳ, sẽ tiếp tục thực hiện chương trình trợ giúp kỹ thuật cho Việt Nam khi Việt Nam còn phải tiến hành rất nhiều bước cần thiết để thực hiện Hiệp định này. Việc Việt Nam thực hiện đầy đủ và hiệu quả Hiệp định này khi Hiệp định có hiệu lực là ưu tiên hàng đầu của Hoa Kỳ.

## KẾT LUẬN

Hiệp định này là một bước tiến lịch sử trong quan hệ kinh tế của chúng ta với Việt Nam - mang lại cho thương mại Việt-Mỹ các điều kiện tương đương với điều kiện chúng ta dành cho hầu hết các nước trên thế giới và đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong các chính sách kinh tế trong nước của Việt Nam. Theo thời gian, Hiệp định này sẽ giúp đẩy mạnh quá trình hội nhập Việt Nam với thế giới và các nền kinh tế Thái bình dương, và đưa Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới.

Hiệp định được thông qua và cho hưởng quy chế NTR đối với Việt Nam sẽ mở ra nhiều cơ hội mới to lớn cho người Mỹ. Tuy nhiên, quan trọng hơn, hiệp định sẽ đóng góp vào nguyện vọng tự do hóa kinh tế và pháp quyền ở Việt Nam, hỗ trợ cho những công việc chúng ta đang theo đuổi trong vấn đề nhân quyền và tiến tới tầm nhìn dài hạn về một Châu Á hòa bình và ổn định.

Cuối cùng, dĩ nhiên, Hiệp định này đánh dấu khoảnh khắc lịch sử có tính chất quyết định trong quá trình bình thường hóa quan hệ với Việt Nam và với bán đảo Đông dương nói chung. Quá trình này, do hai đảng theo đuổi trong thập kỷ qua, đã góp phần chấm dứt xung đột ở Campuchia, thực hiện hoạt động tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam và mở lại hi vọng cho hàng triệu người trong khu vực. Việc Quốc hội thông qua Hiệp định này cùng với việc bình thường hóa quan hệ thương mại với Lào, đánh dấu những bước đi cuối cùng trong quá trình này. Hiệp định cũng sẽ tạo động lực cho các chương trình lập pháp rộng lớn hơn trong lĩnh vực thương mại, cụ thể liên quan đến Ủy ban Xúc tiến Thương mại. Chúng ta mong đợi cùng làm việc với Quốc hội để đạt được những mục tiêu này.

Toàn văn bằng tiếng Anh: <http://usembassy.state.gov/vietnam/wwwhtawf010629-1.html>